

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:137/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Doãn Văn Sáng,

2. Ông Hoàng Đức Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Đình N; Nơi cư trú: Thôn 01, xã T, huyện T, thành phố H; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 01, xã T, huyện T, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Thôn Nẻo, xã T, huyện T, thành phố H; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T, nguyên đơn là anh Vũ Đình N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào năm 2013 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H vào ngày 25 tháng 02 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn 01, xã T, huyện T, thành phố H, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế, vợ chồng trong quá trình chung sống không tin tưởng nhau luôn nghi ngờ nhau nên dẫn đến trong cuộc sống chung thường hay xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn bè và gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, do mâu

thuần vợ chồng căng thẳng nên chị T đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh Vũ Đình N khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị T không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh Vũ Đình N trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Thị Ngọc L, sinh ngày 09/6/2013, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do anh N nuôi dưỡng, chăm sóc khi ly hôn anh N đề nghị được tiếp tục nuôi con chung cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay anh N đồng ý giao con chung tên Vũ Thị Ngọc L cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án.

Về tài sản chung: Anh Vũ Đình N trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Đình N năm 2013 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H vào ngày 25 tháng 02 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn 01, xã T, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng nhất vào năm 2017. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng luôn căng thẳng không thể hòa hợp được, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm nhau. Nay anh Vũ Đình N xin ly hôn chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Thị Ngọc L, sinh ngày 09/6/2013, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do anh N nuôi dưỡng, chăm sóc khi ly hôn. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con chung cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Vũ Đình N tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Vũ Đình N và chị Nguyễn Thị T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đình N và chị Nguyễn Thị T; Về con chung: Công nhận thỏa thuận giao con chung tên Vũ Thị Ngọc L, sinh ngày 09/6/2013 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự

thay đổi khác theo quy định của pháp luật, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án và tài sản chung: Anh N và chị T thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Giấy khai sinh của con; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đình N; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Đình N và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng căng thẳng nhất vào năm 2018, nay anh Vũ Đình N khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn chị Nguyễn Thị T, bị đơn chị Nguyễn Thị T xác định đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Vũ Đình N không còn khả năng đoàn tụ nên chị đồng ý ly hôn. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Vũ Đình N và chị Nguyễn Thị T đã kéo dài và trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Vũ Đình N xin ly hôn, chị Nguyễn Thị T đồng ý ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đình N và chị Nguyễn Thị T là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đình N và chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Anh Vũ Đình N và chị Nguyễn Thị T thống nhất trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Thị Ngọc L, sinh ngày 09/6/2013 quá trình giải quyết vụ án anh N và chị T đều đề nghị được nuôi con chung, song tại phiên tòa anh Vũ Đình N đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận việc nuôi con chung giữa anh N và chị T là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên giao con chung tên Vũ Thị Ngọc L, sinh ngày 09/6/2013 là phù hợp quy định tại Điều 81,82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Đình N và chị Nguyễn Thị T thống nhất trình bày để hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Anh Vũ Đình N và chị Nguyễn Thị T thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Vũ Đình N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đình N và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận giữa anh Vũ Đình N và chị Nguyễn Thị T: Giao con chung tên Vũ Thị Ngọc L, sinh ngày 09/6/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Đình N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000426, ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Anh Vũ Đình N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã T, h. T, thành phố H;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ
PHIÊN TOÀ**

Phạm Công Hạ – Bùi Đình Hùng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kiền Bái, huyện T, TP l;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kỳ Sơn, huyện T, TP H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ
NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thuỷ Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm
2016*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ H

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Mạnh

2. Ông Hoàng Đắc Hân

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 12 tháng 8 năm 2016, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 266/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tính, sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện T, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Thôn Niêm Ngoại, xã Kỳ Sơn, huyện T, thành phố H.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tùng, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện T, thành phố H.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 227; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009,

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án: Xử :

- Chị Đỗ Thị Tính được ly hôn anh Đỗ Văn Tùng
- Về con chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết
- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có tài chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về các vấn đề khác:

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Tính phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 26 tháng 5 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Chị Đỗ Thị Tính đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Hoàng Đắc Hân - Đỗ Văn Mạnh

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Trần Hữu Văn – Đào Hữu Dự

Khúc Trọng Quang

Nơi nhận:

- TAND Tp H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã (TT) nơi thực hiện iệc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

